TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 11 - 2018.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tùng Chinh.

Bà Dương Thị Diễm Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2018/TLST - HNGĐ, ngày 10/8/2018 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Thanh T, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm 1993 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đào Thanh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Huỳnh T chưa có sống chung với nhau nhưng anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 17/7/2017, việc đăng ký kết hôn là do hai bên tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn do hai người bất đồng quan điểm với nhau nên không để duy trì quan hệ hôn nhân, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 17/7/2017, quá trình kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi đăng ký kết hôn theo như anh T trình bày thì anh chị bất đồng quan điểm nên không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, thực tế anh chị chưa sống chung với nhau, tại phiên tòa anh T cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị T. Đối với chị T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với anh T, mục đích để anh chị cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc, mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ chị T có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với anh T. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh T, chị T là đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo như anh T trình bày thì giữa anh và chị T không có con chung, đối với chị T cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định là anh T, chị T có con chung hay không nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, đối với chị T không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết gì về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Anh Đào Thanh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Thanh T.

Anh Đào Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh T.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn anh Đào Thanh T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T, huyện Đ,
tỉnh Long An (ĐKKH số xx/2017,
ngày17/7/2017) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện